Toµ ¸n nh©n d©n
Thµnh phè viÖt trx
tØnh phó thä

C éng hoµ x ·h é ch ñ nghÜa viÖt nam
§éc lËp - Tù do - H nh phóc

Bản án số: 04 /2019/HNG§-ST
Ngày: 28/02/2019
*V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

**Nhân danh**
**nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
**Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – *Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thơm.
*Các hội thẩm nhân dân:* 1/Ông: Lã Ngọc Tường.
2/Ông: Nguyễn Huy Trụ.

*Thư ký phiên toà:* Bà Đào Thị Bích Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

*Ngày* 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì xét xử công khai thụ lý số 13/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 1 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Thu N, sinh năm 1979.
Bị đơn: Anh Phan Huy C, sinh năm 1977.
Đều ĐKHKTT: Tổ A, khu B, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Hà Thị Thu N trình bày:*

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Phan Huy C có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/03/2003 tại trụ sở UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại khu tập thể Đoàn nghệ thuật tỉnh Phú Thọ tại Tổ A, khu B, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có tình cảm với người phụ nữ khác và nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh C nhiều lần đánh chị N.Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh C.

*Bị đơn là anh Phan Huy C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với trình bày của chị N về việc kết hôn, việc tự do tìm hiểu trong hôn nhân, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng và anh C cũng thừa nhận vợ chồng có cãi chửi nhau, nhiều lần đánh chị N. Nhưng anh Cxét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin đoàn tụ để nuôi dạy

con chung. Chị N xin ly hôn anh không nhất trí.

**Về con chung:** Chị Hà Thị Thu N và anh Phan Huy C thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Phan Hà Vân A, sinh ngày 20/10/2003 và cháu Phan Hà Tuấn A, sinh ngày 26/8/2006. Nếu ly hôn chị N, anh C thống nhất thỏa thuận giao cháu Phan Hà Vân A, sinh ngày 20/10/2003 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao Phan Hà Tuấn A, sinh ngày 26/8/2006 cho anh Cả trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

**Về tài sản chung:** Chị N, anh Cthống nhất xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung, công sức đóng góp:** Chị N, anh C thống nhất xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về trình tự thủ tục tố tụng:**

-Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Phan Huy C là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại Tổ A, khu B, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Việt Trìthụ lý và xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

**[2]Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Thu N và anh Phan Huy C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được chính quyền địa phương công nhận. Đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ và hợp pháp.Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu cả hai bên không tin tưởng nhau, thường xuyên đánh chửi nhau, bất đồng quan điểm sống. Thông qua xác minh tại chính quyền địa phương và tại Đoàn nghệ thuật tỉnh Phú Thọ là nơi anh C, chị N đang làm việc và ở nhà công vụ của Đoàn: Thấy rằng vợ chồng chị Hà Thị Thu N và anh Phan Huy C có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh C, quan điểm của khu dân cư và Đoàn nghệ thuật là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh C xin được đoàn tụ với lý do vẫn còn tình cảm,nhưng trên thực tế anh C không có hành động tích cực nào để thể hiện mong muốn đoàn tụ của mình đối với chị N Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn kiên quyết xin được ly hôn và thừa nhận không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh C.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị N và anh C mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do vậy, cần xử cho chị N được ly hôn với anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Về con chung: Chị Hà Thị Thu N và anh Phan Huy C thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Phan Hà Vân A, sinh ngày 20/10/2003 và cháu Phan Hà Tuấn A, sinh ngày 26/8/2006. Nếu ly hôn chị N, anh C thống nhất thỏa thuận giao cháu Phan Hà Vân A, sinh ngày 20/10/2003 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phan Hà Tuấn A, sinh ngày 26/8/2006 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thống nhất thỏa thuận của chị N và anh C là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

-Về tài sản chung: Chị N và anh C thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị N và anh C thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Đội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Thu N. Xử cho chị Nga được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Giao cháu Phan Hà Vân A, sinh ngày 20/10/2003 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phan Hà Tuấn A, sinh ngày 26/8/2006 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhaụ

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị N, anh C thống nhất trình bày không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1,khoản 2 Điều 81;Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1.Về quan hề hôn nhân*:* Xử cho chị Hà Thị Thu N được ly hôn với anh Phan Huy C.

2.Về con chung: Giao cháu Phan Hà Vân A, sinh ngày 20/10/2003 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Phan Hà Tuấn A,

sinh ngày 26/8/2006 cho anh Phan Huy C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3.Về tài sản chung: Chị N và anh C thống nhất xác định vợ chồng không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4.Về nợ chung, công sức đóng góp:Chị N và anh C thống nhất xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0002929 ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì)

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lần thứ nhất đến Tòa án nhân dân Tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- *VKSND thành phố,tỉnh;*
- *Thi hành án dân sự thành phố;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Dữu Lâu;*
- *Lưu hồ sơ, văn.*

**T/M hội đồng xét xử**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thơm**